TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-PT
Ngày 22-11-2019
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân;

Các Thẩm phán: Ông Lê Thái Hưng;

Ông Vũ Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dântỉnh Yên Bái: Bà Lương Minh Nguyệt - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dântỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2019/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 23/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện VC, tỉnh Yên Bái bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2019/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Q, sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn CT, xã PN, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn CT, xã PN, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc T – Luật sư, Công ty luật TNHH NT và Cộng sự - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội;

Địa chỉ: Phòng 1216, Tòa B1 - HUD2 khu đô thị TNLĐ, phường BL, quận HM, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị S

Địa chỉ: Thôn CT, xã PN, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Ông Đ vắng mặt; bà S có mặt.

3.2. Ông Bùi Văn T1và bà Phạm Thị L

Địa chỉ: Tổ dân phố 6A, thị trấn nông trường Nghĩa Lộ, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (có đơn vắng mặt).

3.3. Bà Nguyễn Thị H1

Địa chỉ: Tổ 6, phường TT, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

3.4. Ông Hoàng Việt L và bà Vũ Thị N

Địa chỉ: Tổ 7, phường PT, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (có đơn vắng mặt).

3.5. Bà Nguyễn Thị D

Địa chỉ: Thôn CT, xã PN, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (có đơn vắng mặt).

3.6. Bà Nguyễn Thị Ch

Địa chỉ: Thôn CT, xã PN, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

3.7. Ông Vũ Quang V

Địa chỉ: Tổ AS 2, phường TA, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (có đơn vắng mặt).

3.8. Bà Nguyễn Thị H1

Địa chỉ: Tổ 4, phường CT, thị xã NL, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

3.9. Bà Trần Thị Hồng Nh

Địa chỉ: Thôn PX, xã PN, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (có đơn vắng mặt).

3.10. Bà Vũ Thị H

Địa chỉ: Thôn CT, xã PN, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (có đơn vắng mặt).

3.11. Bà Trần Thị L

Địa chỉ: Thôn HS, xã ST, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (có đơn vắng mặt).

3.12. Ngân hàng TMCP Bưu điện LV (sau đây gọi tắt là Ngân hàng TV).

Địa chỉ: Số 109 THĐ, quận HK, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hồng Th– Chuyên viên phòng giao dịch VC. Vắng mặt (có đơn vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái vụ án có nội dung như sau:

Chị Phan Thị Q và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau vào ngày 05/3/2011, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã PN, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Vợ chồng chung sống đến tháng 12/2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh H nghi ngờ chị Q ngoại tình và vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng với anh H không còn và đề nghị Toà án giải quyết ly hôn. Anh H nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị Phan Thị Q và anh Nguyễn Văn H xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 08/11/2011 và Nguyễn Nam Ph, sinh ngày 24/11/2015, con chung đang sống cùng anh H. Khi ly hôn nguyện vọng của chị Q đề nghị được trực tiếp nuôi cả 02 con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con là 1.500.000đồng/1 tháng/1 cháu. Anh H đề nghị được nuôi cả 02 con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Phan Thị Q và anh Nguyễn Văn H xác định vợ chồng có tài sản chung gồm: 01 nhà xây 02 tầng có diện tích 100m^2/một mặt sàn, được xây trên phần đất của ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị S (là bố, mẹ anh H) cho mượn trị giá 720.000.000đồng; 01 xe ôtô KIA Carent trị giá 260.000.000đồng.

Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

- Chị Phan Thị Q xác định vợ chồng còn nợ như sau: Nợ ngân hàng LV tính đến ngày viết đơn khởi kiện số tiền 50.000.000đồng; nợ bà Nguyễn Thị H1 (là mẹ chị Q) 236.000.000đồng; nợ ông Vũ Quang V 30.000.000đồng; nợ bà Nguyễn Thị Ch 50.000.000đồng; nợ bà Trần Thị Hồng Nh 20.000.000đồng; nợ bà Trần Thị L 50.000.000đồng; nợ bà Vũ Thị H 50.000.000đồng; nợ bà Nguyễn Thị D 30.000.000đồng. Chị Q yêu cầu anh H cùng trả các khoản nợ này.

- Anh Nguyễn Văn H xác định: Anh H xác nhận anh và chị Q còn nợ ngân hàng LV 50.000.000đồng; nợ bà Nguyễn Thị H1 (là mẹ chị Q) 100.000.000đồng (chị Q khai nợ là 236.000.000đồng); nợ bà Nguyễn Thị D 30.000.000đồng. Còn

đối với các khoản vay khác mà chị Q đã kê khai vay của bà Vũ Thị H, Trần Thị Hồng Nh, Nguyễn Thị Ch, Trần Thị L, ông Vũ Quang V thì anh H không biết chị Q vay khi nào, vay sử dụng vào mục đích gì nên anh H không chấp nhận đây là khoản nợ chung của vợ chồng và không có trách nhiệm trả nợ.

Ngoài ra, anh H xác định còn nợ ông Hoàng Việt L và bà Vũ Thị N 300.000.000đồng; nợ bà Nguyễn Thị H1 420.000.000đồng; nợ ông Bùi Văn T1 và bà Phạm Thị L 300.000.000đồng. Các khoản vay này là vay để làm nhà và mua ôtô.

Quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn đã yêu cầu anh Nguyễn Văn H nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu việc thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản đối với phần nợ do anh H kê khai nhưng anh H không nộp.

Ngày 08/7/2019, anh H có đơn khiếu nại về việc Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn yêu cầu anh nộp tiền tạm ứng án phí là sai quy định.

Ngày 15/7/2019, Chánh án Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn đã giải quyết khiếu nại và không chấp nhận khiếu nại của anh H.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Xác định có cho chị Q, anh H vay số tiền như chị Q, anh H đã kê khai.

Chị Phan Thị Q, anh Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị S (là bố, mẹ anh H) thống nhất: 01 nhà xây 02 tầng có diện tích 100m^2/một mặt sàn của chị Q và anh H, được xây trên phần đất của ông Đ và bà S cho mượn, trị giá 720.000.000đồng; ông Đ, bà S được sở hữu nhà và trả tiền cho chị Q, anh H.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 37, 45, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 469 của Bộ luật Dân sự; điểm a,b,e khoản 5, điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị Q và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Nam Ph, sinh ngày 24/11/2015 cho chị Phan Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 08/11/2011 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, việc thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản và thực hiện nghĩa vụ riêng về tài sản:

Tổng tài sản chung của anh Nguyễn Văn H và chị Phan Thị Q là 980.000.000đồng (chín trăm tám mươi triệu đồng). Chị Phan Thị Q được nhận 545.248.000đồng (năm trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng). Anh Nguyễn Văn H được nhận 434.752.000đồng (bốn trăm ba mươi tư triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Chị Phan Thị Q có trách nhiệm: Trả cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng); trả cho bà Nguyễn Thị Ch 31.728.000đồng (ba mươi mốt triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng).

Chị Phan Thị Q là người tiếp tục thực hiện hợp đồng vay đối với Ngân hàng LV và có trách nhiệm trả số tiền 44.456.000đồng (bốn mươi bốn triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn đồng) và lãi phát sinh tiếp theo ngày xét xử, lãi suất được xác định theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 33.960.000đồng (ba mươi ba triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng); trả cho bà Nguyễn Thị Ch 21.152.000đồng (hai mươi mốt triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Công nhận sự thỏa thuận của ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị S, anh Nguyễn Văn H, chị Phan Thị Q như sau: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị S nhận ngôi nhà xây hai tầng của anh Nguyễn Văn H và chị Phan Thị Q, ngôi nhà được xây dựng trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00778/QSDĐ/126/QĐUBH tại Thôn CT, xã PN, huyện VC, tỉnh Yên Bái. Ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị S có trách nhiệm thanh toán bằng tiền mặt 720.000.000đồng (bảy trăm hai mươi triệu đồng) cho anh Nguyễn Văn H và chị Phan Thị Q. Số tiền trên chị Phan Thị Q được nhận 545.248.000đồng (năm trăm bốn mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng), anh Nguyễn Văn H được nhận 174.752.000đồng (một trăm bảy mươi tư triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Chị Phan Thị Q có trách nhiệm: Trả cho bà Trần Thị L số tiền 54.360.000đồng (năm mươi tư triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng); trả cho bà Trần Thị Hồng Nh 20.544.000đồng (hai mươi triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng); trả cho bà Vũ Thị H 52.236.000đồng (năm mươi hai triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng); trả cho ông Vũ Quang V 32.616.000đồng (ba mươi hai triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Phan Thị Q, anh Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị H1, Vũ Thị H, Vũ Quang V, Trần Thị Hồng Nh, Trần Thị L, Nguyễn Thị Ch có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị S, anh Nguyễn Văn H, chị Phan Thị Q chậm thi hành khoản tiền phải thi hành nêu trên thì ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị S, anh Nguyễn Văn H, chị Phan Thị Q phải chịu tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí:

Chị Phan Thị Q phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, 18.453.200đồng (mười tám triệu bốn trăm năm mươi ba nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự chia tài sản, 5.782.400đồng (năm triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm về phân chia nghĩa vụ chung về tài sản, 7.987.800đồng (bảy triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm về thực hiện nghĩa vụ riêng về tài sản. Tổng cộng 32.523.400đồng (ba mươi hai triệu năm trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm đồng. Chị Phan Thị Q đã nộp 25.290.000đồng (hai mươi lăm triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí, chị Q còn phải nộp 7.233.400đồng (bảy triệu hai trăm ba mươi ba nghìn bốn trăm đồng).

Anh Nguyễn Văn H phải chịu 18.982.000đồng (mười tám triệu chín trăm tám mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự chia tài sản, 5.782.400đồng (năm triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm về phân chia nghĩa vụ chung về tài sản. Tổng cộng 24.764.400đồng (hai mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi tư nghìn bốn trăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ còn tuyên quyền kháng cáo và hướng dẫn thi hành án cho các đương sự.

* Ngày 08/10/2019, anh Nguyễn Văn H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm:

1. Đề nghị được nuôi cả 02 con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con;

2. Công nhận khoản vay 1.020.000.000đồng (vay của bà Nguyễn Thị H1; bà Vũ Thị N và ông Hoàng Việt L; ông Bùi Văn T1và bà Phạm Thị L) là khoản nợ chung có trong thời kỳ hôn nhân để xây nhà và mua ôtô, chị Q phải có nghĩa vụ trả nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm:

Chị Phan Thị Q không nhất trí để anh H nuôi cả 02 con chung và không chấp nhận những khoản nợ anh H đưa ra là nợ chung của vợ chồng.

Anh Nguyễn Văn H xác định có đủ điều kiện để nuôi cả 02 con chung; các khoản nợ anh H đưa ra là vay để xây nhà và mua ôtô, là nợ chung của vợ chồng nên chị Q phải có trách nhiệm trả.

* Tại phiên toà phúc thẩm:

Anh Nguyễn Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Chị Phan Thị Q không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H và đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị: Hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái, trả hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án phúc thẩm đến trước khi Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần con chung;

Áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Hủy một phần Bản án sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái về phần tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Các đương sự không kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[2] Xét kháng cáo của anh H về việc xin được nuôi cả hai con:

Theo khoản 1 Điều 71 Luật Hôn nhân và Gia đình: Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau trong việc chăm sóc, giáo dục con chung; cả anh H và chị Q đều có đủ điều kiện nuôi con nên việc giao cho mỗi người nuôi một con như Bản án sơ thẩm đã quyết định là phù hợp với quy định của pháp luật và hoàn cảnh của các bên, đảm bảo quyền lợi cho các con nên không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn H.

[3] Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng:

[3.1] Đối với phần tài sản chung:

Đối với tiền bán 01 xe ôtô KIA Carent:

Anh H không đồng ý chia số tiền bán xe cho chị Q nếu chị Q cương quyết yêu cầu chia thì chị Q phải có trách nhiệm trả nợ khoản vay để mua xe. Tòa án cấp sơ thẩm không xác minh làm rõ khi mua chiếc xe ôtô này ai là người trả tiền, không thu thập chứng cứ xác minh nguồn gốc số tiền mua xe ôtô là tiền của chung hai vợ chồng hay tiền do anh H đi vay như lời khai của anh H.

Mặt khác, khi xác định chiếc xe ôtô KIA Carent là tài sản chung vợ chồng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ việc anh H bán và sử dụng khoản tiền này trong thời kỳ hôn nhân có sự đồng ý hay phản đối của chị Q hay không.

Theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình thì tài sản chung của vợ chồng bao gồm cả tài sản kinh doanh trong thời kỳ hôn nhân. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm các nội dung nêu trên và chưa làm rõ anh H và chị Q có thỏa thuận về việc anh H kinh doanh riêng hay không, nhưng nhận định "Việc kinh doanh của anh H mà chị Q không biết, không tham gia thì đây là kinh doanh riêng" để từ đó xác định việc anh H sử dụng tiền bán xe ôtô vào mục đích trả nợ là trách nhiệm riêng của anh H là chưa đủ căn cứ xác định nghĩa vụ riêng của vợ, chồng theo quy định tại Điều 45 Luật hôn nhân và Gia đình.

Phần quyết định của bản án xác định: "Tổng tài sản chung của anh Nguyễn Văn H và chị Phan Thị Q là 980.000.000đồng (chín trăm tám mươi triệu đồng)" là không đúng với phần nhận định của bản án sơ thẩm sơ thẩm xác định tài sản chung của anh H và chị Q là ngôi nhà và tiền bán xe (chứ không phải hoàn toàn là tiền mặt) từ đó dẫn đến sai lầm trong việc chia tài sản cho các đương sự là tiền mặt, vi phạm quy định tại Điều 3 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình và tuyên số tiền các đương sự được nhận không phù hợp với phần nhận định mỗi đương sự được hưởng 50% giá trị tài sản.

[3.2] Về các khoản nợ:

Đối với khoản nợ của ông Hoàng Việt L và bà Vũ Thị N; bà Nguyễn Thị H1; ông Bùi Văn T1 và bà Phạm Thị L, Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng yêu cầu của anh H là yêu cầu độc lập là không đúng:

Theo luật quy định thì bị đơn không có yêu cầu độc lập mà chỉ có yêu cầu phản tố;

Anh H yêu cầu chia khoản nợ chung trong vụ án Hôn nhân gia đình là yêu cầu phân chia trách nhiệm trả nợ, yêu cầu của anh H là yêu cầu phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn (chị Q);

Mặt khác, trong vụ án Hôn nhân gia đình không có quy định nào yêu cầu bị đơn phải nộp tiền tạm ứng án phí về khoản nợ (nghĩa vụ trả nợ).

Vì vậy, anh Nguyễn Văn H không phải nộp tiền tạm ứng án phí nghĩa vụ chung về tài sản.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét các khoản nợ trên với lý do anh H không nộp tiền tạm ứng án phí cho các khoản nợ là không giải quyết hết yêu cầu của đương sự, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Từ sự phân tích trên thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã không thu thập được đầy đủ chứng cứ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung được, đồng thời có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, do đó không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn H mà phải hủy phần Bản án sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái về phần tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng.

[4] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ cần được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị hủy một phần nên anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí (chia tài sản và nợ) được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị cấp phúc thẩm không xét và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 1,3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái về việc nuôi con như sau:

Áp dụng Điều 69; khoản 1 Điều 71; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình:

Giao cháu Nguyễn Nam Ph, sinh ngày 24/11/2015 cho chị Phan Thị Q và giao cháu Nguyễn Thanh Tr, sinh ngày 08/11/2011 cho anh Nguyễn Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Hủy Bản án sơ thẩm số 23/2019/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện VC, tỉnh Yên Bái về phần tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng 300.000đồng anh H đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0003961 ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VC, tỉnh Yên Bái.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT3-TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện VC;
- Chi cục THA DS huyện VC;
- UBND xã PN, huyện VC;
- Các đương sự;
- Luật sư;
- Lưu: HS, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Vân